

Số: 102 /KH-UBND

Hung Yên, ngày 19 tháng 5 năm 2025

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 71/NQ-CP); Kế hoạch số 386-KH/TU ngày 13/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hưng Yên thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây gọi tắt là Kế hoạch số 386-KH/TU), Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Tuyên truyền, quán triệt, phổ biến và triển khai kịp thời, có hiệu quả quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được giao trong Nghị quyết số 71/NQ-CP và Kế hoạch số 386-KH/TU.

b) Xác định các nội dung nhiệm vụ để hiện thực các mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 71/NQ-CP và Kế hoạch số 386-KH/TU, nhằm góp phần đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa đất nước phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới.

2. Yêu cầu

a) Xác định các nhiệm vụ cụ thể của các sở, ban, ngành, địa phương nhằm triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung nhiệm vụ được Chính phủ giao cho địa phương thực hiện tại Nghị quyết số 71/NQ-CP.

b) Phát huy các nguồn lực, triển khai đồng bộ các nhiệm vụ đề ra; tiến hành rà soát hằng năm để kịp thời điều chỉnh, bổ sung cập nhật các nhiệm vụ mới, đảm bảo đạt kết quả, hiệu quả trong quá trình triển khai nhằm đạt được các mục tiêu đã hoạch định, đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra. Định kỳ 01 năm, 05 năm tổ chức sơ kết, tổng kết để đánh giá toàn diện việc triển khai thực hiện Kế hoạch.

c) Việc thực hiện phải gắn với các chương trình, đề án, kế hoạch của UBND tỉnh đã ban hành liên quan đến hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong tất cả các lĩnh vực.

II. CHỈ TIÊU CHỦ YẾU: *Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo*

III. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

a) Ban hành và tổ chức triển khai chương trình tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng về nội dung Nghị quyết số 57-NQ/TW theo hướng: đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền thông qua báo chí, phát thanh, truyền hình, các nền tảng số, mạng xã hội và các phương tiện điện tử khác; cụ thể hóa nội dung tuyên truyền cho từng nhóm đối tượng người dân, doanh nghiệp, chính quyền các cấp; kế hoạch tuyên truyền phải có mục tiêu, có bộ tiêu chí đánh giá cụ thể, định kỳ đo lường và công bố kết quả.

b) Ban hành kế hoạch phát động phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào “học tập số” thường xuyên, liên tục, phổ cập, nâng cao kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản trong cán bộ, công chức và Nhân dân; xây dựng, nâng cấp nền tảng đào tạo trực tuyến mở đại trà cung cấp miễn phí kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản cho người dân, doanh nghiệp.

c) Ban hành quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan nhà nước trực tiếp phụ trách, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức; quy định về trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện kế hoạch hành động về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số hàng năm.

d) Cụ thể hóa nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

đ) Định kỳ đánh giá, công bố mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước; kết quả thực hiện chuyển đổi số là tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, đánh giá thi đua, khen thưởng hàng năm.

e) Phấn đấu bố trí tỉ lệ cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị nhà nước, hướng tới tối thiểu đạt 25%.

g) Xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản phục vụ chuyển đổi số quốc gia.

h) Ban hành kế hoạch phát động phong trào thi đua “Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số” trong toàn tỉnh để phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp và Nhân dân thực hiện thành công cuộc cách mạng chuyển đổi số. Chú trọng biểu dương, tôn vinh, khen thưởng khích lệ, động viên kịp thời bằng nhiều hình thức đa dạng cho các nhà khoa học, nhà sáng chế, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong chuyển đổi số; trân trọng từng phát minh, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc, dù nhỏ nhất.

2. Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xoá bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Hoàn thành số hóa quy trình nghiệp vụ nội bộ, hồ sơ tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong các lĩnh vực liên quan tới người dân, doanh nghiệp, hoạt động công vụ (đất đai, tư pháp, y tế, giáo dục, lao động việc làm,...); tái sử dụng 100% dữ liệu đã số hóa để cắt giảm tối đa thủ tục hành chính và chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp.

b) Đẩy mạnh tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, nhất là các thủ tục liên quan đến cư trú, hộ tịch, giấy phép lái xe, đất đai, doanh nghiệp; triển khai tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh.

c) Rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản về thể chế, chính sách, quy định pháp luật trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nguồn nhân lực chất lượng cao, bảo đảm hành lang pháp lý cho hoạt động của mọi ngành, lĩnh vực trên môi trường số.

d) Rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước từ tỉnh đến cơ sở để đảm bảo thống nhất, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

3. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

a) Tổ chức ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) dựa trên dữ liệu lớn trong các ngành, lĩnh vực quan trọng trên địa bàn tỉnh.

b) Triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng theo danh mục đã được ban hành bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số.

c) Xây dựng, triển khai đề án ứng dụng IoT trong một số ngành, lĩnh vực như sản xuất thương mại, quản lý năng lượng, nông nghiệp thông minh, giao thông thông minh, y tế thông minh,...

d) Xây dựng kế hoạch và triển khai hạ tầng 5G, IoT trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp của tỉnh.

đ) Hoàn thành kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu; triển khai các sáng kiến mở dữ liệu.

e) Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu tại văn bản số 1552/BTTTT-TTH và 708/BTTTT-CATTT; hoàn thành kết nối giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công theo Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

a) Triển khai chính sách, cơ chế đặc thù, chính sách ưu tiên, đột phá trong thu hút, đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng, đãi ngộ nhân tài, nhất là chính sách tuyển dụng, tiền lương, tạo môi trường làm việc, tập trung vào các nhà khoa học giỏi, có trình độ chuyên môn cao về Hưng Yên làm việc, sinh sống.

b) Xây dựng chương trình đào tạo, phát triển đội ngũ các nhà khoa học (trình độ tiến sỹ), nhân lực công nghệ, kỹ thuật trình độ cao (trình độ từ đại học trở lên) trong các ngành, lĩnh vực để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong giai đoạn 2025-2030.

5. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh

a) Xây dựng Khung kiến trúc Chính quyền số và điều chỉnh các hệ thống thông tin theo hướng phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp (tỉnh và xã, phường) theo phương án không tổ chức cấp huyện, việc số hóa dữ liệu phục vụ bàn giao, nâng cấp hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính để thực hiện được ngay sau khi kết thúc mô hình cấp huyện.

b) Xây dựng kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp tham gia phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới theo hình thức hợp tác công tư (PPP).

c) Các địa phương tập trung số hoá dữ liệu, khai thác ứng dụng cắt giảm thủ tục hành chính - không phụ thuộc các ngành, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai.

6. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp

a) Công bố danh mục các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của đất nước để các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam đang hoạt động tại tỉnh tham gia giải quyết.

b) Nghiên cứu, đề xuất Chính phủ triển khai một số khu công nghiệp công

nghe số/khu công nghiệp công nghệ thông tin tập trung theo Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

c) Xây dựng chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số bao gồm đưa sản phẩm lên môi trường số; trang bị kỹ năng số cho người dân, cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số, tạo lập niềm tin số.

7. Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Tập trung đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ với các Đại học, trường đại học, viện nghiên cứu, tỉnh, thành phố và các quốc gia có trình độ khoa học và công nghệ, chuyển đổi số phát triển, nhất là các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, công nghệ lượng tử, bán dẫn, rô-bốt, tự động hóa và các công nghệ chiến lược khác. Có cơ chế, chính sách mua, chuyển giao công nghệ tiên tiến phù hợp với điều kiện của tỉnh.

8. Danh mục nhiệm vụ giao các sở, ban, ngành địa phương chủ trì, phối hợp thực hiện

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo).

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước, các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật và theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở nội dung, nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch 386-KH/TU ngày 13/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch này, các sở, ban, ngành, địa phương rà soát, ban hành kế hoạch thay thế Kế hoạch thực hiện Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 03/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh, gửi Sở Khoa học và Công nghệ **trong thời gian 15 ngày** kể từ ngày Kế hoạch này được ban hành; xây dựng kế hoạch hằng năm gửi về Sở Khoa học và Công nghệ **trước ngày 15/10** của năm trước năm thực hiện để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Ngay sau khi các bộ, ngành Trung ương triển khai các nhiệm vụ được giao tại phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ có liên quan đến địa phương; các sở, ban, ngành chủ động tham mưu kịp thời cấp có thẩm quyền chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, địa phương tập trung chỉ đạo thực hiện nội dung, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể đảm bảo “rõ người, rõ việc, rõ tiến độ, rõ kết quả, rõ trách nhiệm”; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này, định kỳ hàng Quý báo cáo kết quả thực hiện về Sở Khoa học và Công nghệ **trước ngày 05 tháng cuối Quý** để tổng hợp, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chính phủ.

4. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này, kịp thời báo cáo và kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện đồng bộ và có hiệu quả Kế hoạch; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tình hình, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch số 386-KH/TU và Kế hoạch này để kịp thời báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Chính phủ theo quy định.

5. Hằng năm, căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương, Sở Tài chính phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định pháp luật hiện hành.

6. Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 03/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Các nhiệm vụ đã thực hiện theo Kế hoạch số 44/KH-UBND tiếp tục được triển khai thực hiện và cập nhật theo Kế hoạch này.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung cập nhật những nội dung, chỉ tiêu cụ thể thuộc Kế hoạch này, đề nghị các sở, ban, ngành, địa phương chủ động đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ) để xem xét, quyết định./.

Nơi nhận: *nh*

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội cấp tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh;
- Liên hiệp các hội KHKT, Hiệp hội DN tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX^{PH}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Quốc Văn

Phụ lục I
DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

(Kèm theo Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 19/5/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
I	Đến năm 2030			
1	Tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Thứ bậc	Thuộc nhóm các địa phương ở mức khá về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Sở Khoa học và Công nghệ
2	Trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp	Thứ bậc	Đạt mức trên trung bình của cả nước	Sở Khoa học và Công nghệ
3	Xếp hạng năng lực cạnh tranh số	Thứ bậc	Nhóm 15 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có thứ hạng cao	Sở Khoa học và Công nghệ
4	Xếp hạng chỉ số phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số	Thứ bậc	Nhóm 15 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có thứ hạng cao	Sở Khoa học và Công nghệ
5	Xếp hạng về nghiên cứu và phát triển trí tuệ nhân tạo, trung tâm phát triển một số ngành, lĩnh vực công nghiệp công nghệ số mà tỉnh có lợi thế	Thứ bậc	Nhóm 15 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có thứ hạng cao	Sở Khoa học và Công nghệ
6	Số doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các tỉnh, thành phố phát triển	Doanh nghiệp	≥ 5	Sở Khoa học và Công nghệ
7	Tỉ lệ đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế	%	50-55	Sở Khoa học và Công nghệ
8	Tỉ trọng xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trên tổng giá trị hàng hóa xuất khẩu	%	≥ 50	Sở Khoa học và Công nghệ
9	Quy mô kinh tế số	% GRDP	≥ 30	Sở Khoa học và Công nghệ
10	Chỉ tiêu về thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công và chi đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử			Sở Khoa học và Công nghệ
10.1	Tỉ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh	%	≥ 80	Sở Khoa học và Công nghệ

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
	ngành			
10.2	Tỉ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	%	90	Văn phòng UBND tỉnh
10.3	Tỉ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính	%	100	Sở Nội vụ; Văn phòng UBND tỉnh
10.4	Tỉ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	%	100	Văn phòng UBND tỉnh
10.5	Tỉ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	80	Văn phòng UBND tỉnh
10.6	Tỉ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	80	Ngân hàng nhà nước khu vực VI
10.7	Tỉ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước	%	100	Văn phòng UBND tỉnh
10.8	Tỉ lệ nhiệm vụ được theo dõi, quản lý, giám sát của các cơ quan hành chính thực hiện trên môi trường điện tử	%	100	Văn phòng UBND tỉnh
10.9	Tỉ lệ các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử	%	100	Văn phòng UBND tỉnh
11	Tỉ lệ giao dịch không dùng tiền mặt	%	≥ 80	Ngân hàng Nhà nước khu vực VI
12	Tỉ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo	%	≥ 40	Sở Khoa học và Công nghệ
13	Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo góp phần quan trọng xây dựng, phát triển giá trị văn hoá, xã hội, con người Việt Nam duy trì chỉ số phát triển con người (HDI)	Chỉ số phát triển con người (HDI)	≥ 0,7	Sở Khoa học và Công nghệ
14	Kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D)	% GRDP	2	Sở Khoa học và Công nghệ
15	Tỷ trọng kinh phí từ xã hội trên kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D)	%	≥ 60	Sở Khoa học và Công nghệ
16	Chi ngân sách hàng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia	% tổng chi NSNN	≥ 3 % và tăng dần theo yêu cầu phát triển	Sở Tài chính
17	Nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi	Người/vạn	12	Sở Khoa học và Công nghệ

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
	mới sáng tạo	dân		
18	Tổ chức khoa học và công nghệ được xếp hạng	Tổ chức	3-5	Sở Khoa học và Công nghệ
19	Tỉ lệ đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế khai thác thương mại	%	8-10	Sở Khoa học và Công nghệ
20	Hạ tầng số		Tiến tiến, hiện đại, dung lượng siêu lớn, băng thông siêu rộng ngang tầm các tỉnh khu vực đồng bằng Sông Hồng	Sở Khoa học và Công nghệ
20.1	Tỉ lệ người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gb/s.	%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
20.2	Phủ sóng 5G		Toàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ
21	Phần đầu hoàn thành xây dựng đô thị thông minh tại các phường có đủ điều kiện thuộc tỉnh	phường	≥ 2	Sở Khoa học và Công nghệ
22	Thu hút tổ chức, doanh nghiệp hàng đầu khu vực và thế giới đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Hưng Yên	Tổ chức, doanh nghiệp	≥ 1	Sở Tài chính, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh
23	Quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị	%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
24	Dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	%	≥ 95	Ngân hàng Nhà nước khu vực VI
25	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	%	≥ 70	Sở Khoa học và Công nghệ
26	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử	%	≥ 95	Sở Y tế
27	Xếp hạng về an toàn thông tin mạng	Thứ bậc	≤ 10	Công an tỉnh
II	Đến năm 2045			
27	Quy mô kinh tế số	% GRDP	≥ 50	Sở Khoa học và Công nghệ
28	Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp tỉnh (PII)	Thứ bậc	≤ 10	Sở Khoa học và Công nghệ
29	Tỉ lệ doanh nghiệp công nghệ số	Số doanh	1	Sở Khoa học và Công nghệ

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
30	Số doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các tỉnh, thành phố phát triển	nghiep/1000 dân		
31	Thu hút thêm tổ chức, doanh nghiệp hàng đầu khu vực và thế giới đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Hưng Yên	Doanh nghiệp Tổ chức, doanh nghiệp	≥ 10 ≥ 2	Sở Khoa học và Công nghệ Sở Tài chính, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh

Phụ lục II

**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ GIAO CÁC SỞ, BAN, NGÀNH TRIỂN KHAI
THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 71/NQ-CP NGÀY 01/4/2025 CỦA CHÍNH PHỦ**

(Kèm theo Kế hoạch số 102 /KH-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
I	Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia				
1.	Xây dựng chương trình chuyên biệt về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên truyền hình, phát thanh và mạng xã hội.	Báo Hưng Yên	Sở Khoa học và Công nghệ	Chương trình	Thường xuyên
2.	Xây dựng chương trình, kế hoạch phát động phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào “học tập số” thường xuyên, liên tục, phổ cập, nâng cao kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản trong cán bộ, công chức và Nhân dân.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	Kế hoạch của UBND tỉnh được ban hành	Thường xuyên
3.	Cụ thể hóa nhiệm vụ chuyên đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị.	Các sở, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	Kế hoạch công tác	Thường xuyên
4.	Phấn đấu bố trí tỉ lệ phù hợp cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị nhà nước.	Các sở, ngành, địa phương	Sở Nội vụ	Có tỉ lệ phù hợp cán bộ có chuyên môn về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo	Thường xuyên
5.	Tổ chức triển khai thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, phổ cập và nâng cao kiến thức khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2025-2030 (Kế hoạch số 85/KH-UBND ngày 17/4/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)	Các sở, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	Các lớp tập huấn, đào tạo bồi dưỡng	Thường xuyên

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
6.	Ban hành kế hoạch phát động phong trào thi đua “Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số” trong toàn tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, địa phương	Kế hoạch của UBND tỉnh	Tháng 5/2025
II	Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xóa bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
7.	Hoàn thành số hóa quy trình nghiệp vụ nội bộ, hồ sơ tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong các lĩnh vực liên quan tới người dân, doanh nghiệp, hoạt động công vụ (đất đai, tư pháp, y tế, giáo dục, lao động việc làm,...); tái sử dụng 100% dữ liệu đã số hóa để cắt giảm tối đa thủ tục hành chính và chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp.	Các sở, ngành, địa phương	Văn phòng UBND tỉnh, Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ	Hoàn thành số hóa quy trình nghiệp vụ nội bộ, hồ sơ tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; cắt giảm tối đa thủ tục hành chính	30/6/2025
8.	Đẩy mạnh tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, nhất là các thủ tục liên quan đến cư trú, hộ tịch, giấy phép lái xe, đất đai, doanh nghiệp; triển khai tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh.	Các sở, ngành, địa phương	Văn phòng UBND tỉnh	Thủ tục hành chính được tái cấu trúc, đơn giản hóa quy trình	Tháng 12/2025
9.	Rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản về thể chế, chính sách, quy định pháp luật trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nguồn nhân lực chất lượng cao, bảo đảm hành lang pháp lý cho hoạt động của mọi ngành, lĩnh vực trên môi trường số.	Các sở, ngành, địa phương	Sở Tư pháp		Theo đề nghị của bộ, ngành
III	Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia				
10.	Tổ chức ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn trong các ngành, lĩnh vực quan trọng.	Các sở, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	Báo cáo thực hiện	Thường xuyên
11.	Triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng theo danh mục đã được ban hành bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh	Các sở, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	Hoàn thành các nền tảng số đảm bảo kết nối, liên thông	Thường xuyên

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	vực trên môi trường số.				
12.	Xây dựng, đề xuất Đề án triển khai đề án ứng dụng IoT trong một số ngành, lĩnh vực như sản xuất thương mại, quản lý năng lượng, nông nghiệp thông minh, giao thông thông minh, y tế thông minh,...	Các sở, ngành liên quan	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định của UBND tỉnh	Khi có hướng dẫn của các bộ, ngành
13.	Hỗ trợ doanh nghiệp triển khai hạ tầng IoT trong các khu khu công nghiệp, cụm công nghiệp; hạ tầng 5G trên toàn tỉnh.	Các địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	Hạ tầng IoT, trạm 5G	Thường xuyên
14.	Hoàn thành kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu; triển khai các sáng kiến mở dữ liệu.	Các sở, ngành, địa phương	Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ	Hoàn thành kết nối	Tháng 9/2026
15.	Khảo sát đánh giá, đề xuất phương án nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu tại văn bản số 1552/BTTTT-TTH và 708/BTTTT-CATT	Các sở, ngành, địa phương	Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh	Phương án	Tháng 5/2025
IV	Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia				
16.	Triển khai chính sách, cơ chế đặc thù, chính sách ưu tiên, đột phá trong thu hút, đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng, đãi ngộ nhân tài, nhất là chính sách tuyển dụng, tiền lương, tạo môi trường làm việc, tập trung vào các nhà khoa học giỏi, có trình độ chuyên môn cao và Hưng Yên làm việc, sinh sống.	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, địa phương	Nghị quyết HĐND	30/6/2025
17.	Xây dựng chương trình đào tạo, phát triển đội ngũ các nhà khoa học (trình độ tiến sỹ), nhân lực công nghệ, kỹ thuật trình độ cao (trình độ từ đại học trở lên) trong các ngành, lĩnh vực	Sở Giáo dục và Đào tạo	các sở, ngành, địa phương	Chương trình của UBND tỉnh	Tháng 5/2025

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong giai đoạn 2025-2030.				
V	Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh				
18.	Xây dựng kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp tham gia phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới theo hình thức hợp tác công tư (PPP).	Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương liên quan	Kế hoạch	Tháng 9/2025
19.	Các địa phương tập trung số hoá dữ liệu, khai thác ứng dụng cắt giảm thủ tục hành chính - không phụ thuộc các ngành, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai.	Các sở, ngành, địa phương	Các cơ quan liên quan	Dữ liệu các lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai được tạo lập, số hóa	2025 và những năm tiếp theo
20.	Xây dựng Khung kiến trúc Chính quyền số tỉnh Hưng Yên; điều chỉnh các hệ thống thông tin theo hướng phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp (tỉnh và xã, phường)	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	Khung Kiến trúc Chính quyền số tỉnh Hưng Yên	Tháng 9/2025
VI	Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp				
21.	Công bố danh mục các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của đất nước để các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam tham gia giải quyết.	Các sở, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	Các bài toán được công bố trên Công TTĐT của tỉnh	Hàng năm
22.	Triển khai một số khu công nghiệp công nghệ số/khu công nghiệp công nghệ thông tin tập trung theo Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Ban Quản lý Khu công nghiệp tỉnh, Sở Công Thương, Sở Tài chính và địa phương liên quan	Sở Khoa học và Công nghệ	Các khu công nghiệp công nghệ số được triển khai	Tháng 6/2028
23.	Xây dựng chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số bao gồm đưa sản phẩm lên môi trường số; trang bị kỹ năng số cho người dân, cung cấp các tiện ích để	Các sở, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định phê duyệt Chương trình được ban hành	Tháng 12/2025

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	người dân giao dịch trên môi trường số, tạo lập niềm tin số.				
VII	Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số				
24.	Ký kết các chương trình phối hợp, hợp tác về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Bản ghi nhớ hợp tác	Thường xuyên
25.	Xây dựng tài liệu, ấn phẩm giới thiệu về môi trường, đầu tư kinh doanh của tỉnh Hưng Yên nhằm cung cấp các thông tin cho các đoàn của tỉnh Hưng Yên và các đoàn của Bộ ngành, trung ương khi tham gia các hoạt động xúc tiến, kêu gọi đầu tư	Sở Tài Chính	Các sở, ban, ngành, địa phương	Tài liệu, ấn phẩm	2025-2030
26.	Tổ chức học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Báo cáo UBND tỉnh	Thường xuyên
27.	Cử cán bộ tham gia chương trình hợp tác nghiên cứu quốc tế, tham gia các diễn đàn, hội nghị về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Báo cáo UBND tỉnh	Thường xuyên